

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 181/2013/NĐ-CP NGÀY 14/11/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢNG CÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo (sau đây gọi là Nghị định số 181/2013/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tên Chương 3 như sau:

Chương 3: Hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam

1. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới trên môi trường mạng có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng có người truy cập từ Việt Nam hoặc có người sử dụng tại Việt Nam phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật của Việt Nam về quảng cáo, về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; phải nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế;

b) Thông báo thông tin liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này khi cung cấp quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam.

c) Chủ động rà soát, kiểm tra sản phẩm quảng cáo không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Quảng cáo và không đặt sản phẩm quảng cáo vào các vị trí có nội dung vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật An ninh mạng;

d) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ xử lý thông tin vi phạm theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng có thẩm quyền;

g) Có giải pháp bảo đảm người phát hành quảng cáo ở Việt Nam có khả năng kiểm soát, phát hiện và loại bỏ các sản phẩm quảng cáo xuyên biên giới vi phạm quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo;

2. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ quảng cáo trên nền tảng của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam phải có trách nhiệm kiểm tra nội dung sản phẩm quảng cáo, bảo đảm không vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Quảng cáo và yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới có trách nhiệm lựa chọn vị trí đặt quảng cáo không vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật An ninh mạng.

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế;

3. Người phát hành quảng cáo tại Việt Nam có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm có khả năng kiểm soát để phát hiện, loại bỏ các sản phẩm quảng cáo vi phạm quy định pháp luật về quảng cáo được cung cấp từ dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới;

b) Không đăng, phát sản phẩm quảng cáo của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền thông báo vi phạm pháp luật Việt Nam bằng văn bản.

4. Người quảng cáo có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Không đăng, phát sản phẩm quảng cáo trên các nền tảng quảng cáo vi phạm pháp luật Việt Nam;

b) Chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo khi trực tiếp ký kết quảng cáo với tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam;

c) Có quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo loại bỏ các sản phẩm quảng cáo bị gắn vào các nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Thủ tục thông báo và báo cáo định kỳ

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam thực hiện thủ tục thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông các thông tin liên hệ như sau:

a) Tên tổ chức theo đăng ký, tên giao dịch, tên quốc gia đăng ký hoạt động của tổ chức hoặc tên cá nhân cung cấp dịch vụ;

b) Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc địa chỉ thường trú, quốc tịch của cá nhân sở hữu trang thông tin điện tử và địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính cung cấp dịch vụ;

c) Đầu mối liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài và đầu mối liên hệ tại Việt Nam bao gồm: tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ email, điện thoại liên hệ.

d) Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi thông báo đến Bộ Thông tin và Truyền thông bằng một trong các hình thức sau: Gửi thông báo trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc qua mạng Internet.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ 12 tháng/lần vào ngày 15 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu về hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quảng cáo trên nền tảng cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới.

3. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo thực hiện báo cáo định kỳ 12 tháng/lần vào ngày 15 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo Mẫu số 2 được ban hành kèm theo Nghị định này hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cơ quan quản lý có thẩm quyền về hoạt động quảng cáo trên nền tảng cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Bãi bỏ Điều 15 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

Nguyễn Xuân Phúc